**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****TỈNH BẮC KẠN**Số: 46/2022/QĐ-UBND | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúcBắc Kạn, ngày 09 tháng 12 năm 2022 |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại**

**không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức,**

 **cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam;*

*Căn cứ Thông tư số 23/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý tài chính Nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 12 năm 2022.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Kế hoạch và đầu tư; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** **CHỦ TỊCH****Nguyễn Đăng Bình** |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****TỈNH BẮC KẠN** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc |

**QUY CHẾ**

**Quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ**

**phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài**

**dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

*(Kèm theo Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND*

*ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)*

*\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy chế này quy định về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho các cơ quan, tổ chức được thành lập hợp pháp tại Việt Nam, hoạt động trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn nhằm mục đích phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ nhân đạo, không vì mục đích lợi nhuận, thương mại.

2. Khoản viện trợ thuộc phạm vi của Quy chế này là hỗ trợ tài chính hoặc hàng hóa và dịch vụ không phải hoàn lại mà Bên cung cấp viện trợ dành cho Bên tiếp nhận viện trợ để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và nhân đạo, không nhằm mục đích thương mại, lợi nhuận.

3. Các trường hợp không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này:

a) Các khoản viện trợ không hoàn lại của các cơ quan, tổ chức nước ngoài mà việc tiếp nhận phải được ký kết chính thức theo quy định của Luật Điều ước quốc tế và các khoản viện trợ không hoàn lại trong các thỏa thuận về vốn ODA phải được ký kết nhân danh Nhà nước hoặc Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

b) Các khoản quà biếu, quà tặng cho cơ quan, tổ chức không vì mục đích hỗ trợ nhân đạo, từ thiện;

c) Các khoản tài trợ theo các hình thức thỏa thuận hợp tác, hợp đồng dịch vụ, hợp đồng chuyển giao công nghệ có phát sinh lợi nhuận để phân chia;

d) Các cá nhân tiếp nhận tài trợ cho hoạt động nghiên cứu khoa học thực hiện theo Luật Khoa học Công nghệ số 29/2013/QH13;

đ) Viện trợ quốc tế khẩn cấp của Chính phủ, tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nước ngoài, cá nhân nước ngoài để cứu trợ được phê duyệt và thực hiện trong thời gian 03 tháng kể từ khi xảy ra thiên tai và viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai được phê duyệt và thực hiện trong thời gian 09 tháng kể từ khi thiên tai xảy ra.

4. Những nội dung không quy định tại Quy chế này thì áp dụng theo nội dung quy định tại Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam (sau đây gọi là Nghị định số 80/2020/NĐ-CP).

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức thuộc phạm vi điều chỉnh nêu tại Quy chế này.

2. Bên cung cấp viện trợ thực hiện tại tỉnh Bắc Kạn trong Quy chế này là các tổ chức, cá nhân nước ngoài có thiện chí, tôn trọng và chấp hành luật pháp Việt Nam, bao gồm:

a) Các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, tổ chức phi lợi nhuận, các quỹ xã hội, quỹ tư nhân được thành lập theo luật pháp nước ngoài;

b) Các cá nhân nước ngoài, bao gồm cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài;

c) Các doanh nghiệp, công ty được thành lập theo luật pháp nước ngoài, không bao gồm các tổ chức kinh tế có vốn nước ngoài hoạt động tại Việt Nam theo quy định của Luật Đầu tư;

d) Các tổ chức nghiên cứu và đào tạo được thành lập theo luật pháp nước ngoài (bao gồm cả các viện nghiên cứu, tổ chức hợp tác thuộc chính phủ nước ngoài);

đ) Các bộ, cơ quan, tổ chức thuộc chính phủ nước ngoài, cơ quan đại diện ngoại giao của các nước tại Việt Nam trực tiếp cung cấp khoản viện trợ, hoặc ủy quyền cho các tổ chức pháp nhân nước ngoài quản lý các khoản viện trợ mà việc tiếp nhận và thực hiện khoản viện trợ không yêu cầu phải ký kết chính thức theo quy định của Luật Điều ước quốc tế hoặc không yêu cầu bên Việt Nam ký kết nhân danh Nhà nước hoặc Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Bên tiếp nhận viện trợ trong Quy chế này là các cơ quan, tổ chức Việt Nam được thành lập theo pháp luật Việt Nam, hoạt động trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, có chức năng, nhiệm vụ và hoạt động phù hợp với mục tiêu và nội dung của khoản viện trợ tiếp nhận:

a) Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí toàn bộ hoặc một phần kinh phí hoạt động;

b) Các tổ chức chính trị - xã hội, chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ và quỹ xã hội, quỹ từ thiện được thành lập hợp pháp theo các quy định của pháp luật Việt Nam về hội, tổ chức khoa học và công nghệ, quỹ xã hội, quỹ từ thiện;

c) Doanh nghiệp xã hội tiếp nhận viện trợ để thực hiện mục tiêu giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường;

d) Các đối tượng khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

**Điều 3. Quản lý thực hiện viện trợ**

1. Đối với các khoản viện trợ do các bộ, cơ quan, tổ chức thuộc chính phủ nước ngoài, cơ quan đại diện ngoại giao của các nước tại Việt Nam thực hiện không qua Ủy ban nhân dân tỉnh, chủ khoản viện trợ có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Công an tỉnh và các cơ quan có liên quan theo quy định.

2. Sau khi kết thúc dự án, chủ khoản viện trợ tổ chức đánh giá, tiến hành các thủ tục nghiệm thu, bàn giao kết quả đạt được cho đối tượng thụ hưởng để khai thác sử dụng và gửi báo cáo kết thúc dự án đến Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Công an tỉnh và các cơ quan có liên quan để theo dõi, tổng hợp.

**Điều 4. Quản lý tài chính**

Kiểm soát chi, giải ngân, hạch toán và ghi thu, ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại bằng tiền.

1. Đối với vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước: Chủ khoản viện trợ thực hiện kiểm soát chi tại Kho bạc Nhà nước theo quy định về quản lý ngân sách nhà nước; trình tự, thủ tục kiểm soát chi, hạch toán, ghi thu, ghi chi thực hiện theo quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước và theo quy định từ khoản 2 đến khoản 8, Điều 23 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

2. Đối với vốn viện trợ không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước: Việc hạch toán, kế toán, quyết toán đối với khoản viện trợ thực hiện theo quy định pháp luật về kế toán và điều lệ tổ chức hoạt động của Bên tiếp nhận viện trợ theo quy định tại khoản 9, Điều 23, Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

**Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Kế hoạch và Đầu tư**

1. Là cơ quan đầu mối về quản lý và sử dụng các khoản viện trợ thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này.

2. Chủ trì thẩm định văn kiện, chương trình, dự án, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong trường hợp tỉnh tiếp nhận trực tiếp.

3. Tổng hợp các danh mục đã được phê duyệt và báo cáo định kỳ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình quản lý và sử dụng viện trợ.

**Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài chính**

1. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan liên quan thẩm định hồ sơ khoản viện trợ; thẩm định khả năng đóng góp vốn đối ứng (nguồn vốn chi thường xuyên ngân sách tỉnh, chi thường xuyên của đơn vị tiếp nhận tài trợ); các nội dung về cơ chế tài chính trong nước đối với khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước; tính hợp lý trong cơ cấu ngân sách của chương trình, dự án dành cho các hạng mục chủ yếu của chương trình, dự án.

2. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về quản lý tài chính nhà nước đối với việc quản lý, sử dụng vốn viện trợ của ngân sách địa phương.

3. Thẩm định quyết toán thu, chi nguồn vốn viện trợ hằng năm của ngân sách cấp tỉnh.

4. Chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối nguồn chi thường xuyên ngân sách tỉnh trong kế hoạch ngân sách nhà nước hằng năm theo phân cấp để bố trí kinh phí chuẩn bị khoản viện trợ và vốn đối ứng (nếu có) thuộc chi thường xuyên cho các khoản viện trợ đã được phê duyệt theo đúng quy định.

5. Thực hiện trách nhiệm báo cáo theo quy định của pháp luật và quy định của Thông tư số 23/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Bộ Tài chính Hướng dẫn quản lý tài chính nhà nước đối với nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước.

**Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Công an tỉnh**

1. Hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan, tổ chức Việt Nam trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ thực hiện đúng các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

2. Tham gia thẩm định và góp ý kiến với Sở Kế hoạch và Đầu tư về các khoản viện trợ liên quan trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định; tham gia thẩm định và góp ý kiến.

3. Phối hợp với các cơ quan liên quan thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận và sử dụng viện trợ đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

4. Tiến hành các nhiệm vụ theo thẩm quyền khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật liên quan tới việc tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.

5. Cung cấp các thông tin liên quan làm cơ sở xem xét trong quá trình thẩm định khoản viện trợ tới Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh.

**Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ**

1. Hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan, tổ chức Việt Nam chấp hành thực hiện đường lối, chính sách tôn giáo của Nhà nước trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.

2. Tổng hợp hằng năm về tình hình quản lý và sử dụng viện trợ của các tổ chức thuộc đối tượng điều chỉnh của pháp luật Việt Nam về hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện. Báo cáo định kỳ hằng năm gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Kiểm tra, giám sát tình hình tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ của các tổ chức hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện theo thẩm quyền quản lý nhà nước của Sở Nội vụ.

**Điều 9. Chế độ báo cáo, kiểm tra, giám sát tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện viện trợ**

1. Chế độ báo cáo về tình hình giải ngân, quản lý, sử dụng viện trợ

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp, định kỳ hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình giải ngân, quản lý, sử dụng viện trợ hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

b) Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và chủ khoản viện trợ báo cáo về tình hình giải ngân, quản lý, sử dụng viện trợ theo định kỳ hằng năm và đột xuất.

2. Chế độ báo cáo về kết quả vận động viện trợ; tình hình thực hiện, giám sát, đánh giá các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền quản lý

Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố báo cáo về kết quả vận động viện trợ từ các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, tổ chức và cá nhân nước ngoài khác theo định kỳ 06 tháng, hằng năm và đột xuất.

3. Kiểm tra, giám sát tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện viện trợ

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư làm đầu mối thực hiện các nhiệm vụ về giám sát, đánh giá đầu tư của tỉnh; hướng dẫn thực hiện giám sát, đánh giá tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện viện trợ theo Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư.

b) Sở Tài chính tổ chức kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương và viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách địa phương.

c) Công an tỉnh tổ chức giám sát thực hiện hoạt động viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh ngay từ bước đầu triển khai khoản viện trợ; tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện viện trợ hằng năm; chủ động phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh với các hoạt động xâm hại đến an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội của các tổ chức, cá nhân trong quá trình quản lý và sử dụng các khoản viện trợ. Tiến hành xử lý theo thẩm quyền các dấu hiệu, hành vi vi phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân trong quá trình vận động, tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.

d) Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra giám sát đánh giá tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện viện trợ hằng năm theo quy định. Việc xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá hằng năm đảm bảo không trùng dự án viện trợ (khoản viện trợ), nội dung kiểm tra giữa các cơ quan trong năm; đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý những vấn đề liên quan theo thẩm quyền (nếu có). Tiến hành xử lý theo thẩm quyền các dấu hiệu, hành vi vi phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân trong quá trình vận động, tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.

**Điều 10. Điều khoản thi hành**

1. Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn nghiệp vụ, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Những nội dung không quy định tại Quy chế này thực hiện theo Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc cần thiết phải sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tình hình thực tế, các cơ quan, tổ chức phản ánh bằng văn bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.